

Lý thuyết giới phân tích từ góc độ Tâm lý học xã hội.

Đỗ Hoàng

Từ mười năm trở lại đây, xuất hiện thuật ngữ “Giới” (Gender) – khác biệt với thuật ngữ “Giới tính” (Sex), trong các bài viết, các công trình nghiên cứu ở Việt Nam. Giới là sự khác biệt mang tính xã hội (không phải sự khác biệt về sinh học), chỉ sự tương quan về vai trò xã hội, vị trí và giá trị xã hội giữa phụ nữ và nam giới. Sự khác biệt về giới không phải vốn có cùng với sự tồn tại của nam và nữ mà là sự tập hợp các hành vi học được từ xã hội và những kỳ vọng về các đặc điểm, phẩm chất, năng lực được cân nhắc nhằm xác định thế nào là một người nam giới hay một người phụ nữ (hoặc cậu bé – cô bé), trong một xã hội hay nền văn hóa nhất định.

Trên thế giới, thuật ngữ giới xuất hiện vào khoảng năm 80 của thế kỷ XX. Tuy nhiên, lịch sử hình thành hay nền tảng lý luận cơ bản để ra đời lý thuyết giới cần được xem xét từ những quan điểm khác nhau của phong trào nữ quyền phương Tây, nhất là từ giai đoạn sau những năm 60. Vào những năm 80, xuất hiện những ấn phẩm, sách báo, tạp chí nghiên cứu thực trạng bất bình đẳng giới và vấn đề giới từ góc độ nhiều chuyên ngành khoa học xã hội (xã hội học, dân tộc học, tâm lý học xã hội,...). Kết quả của những nghiên cứu đó là nền tảng cơ bản xây dựng lý thuyết giới ngày nay. Ở Việt Nam, trong hơn chục năm lại đây, tạp chí “Khoa học về phụ nữ” là ấn phẩm chủ yếu tập trung các bài viết, công trình nghiên cứu về Giới và các vấn đề của phụ nữ. Các bài viết trên tạp chí này đã tập trung giải quyết một số vấn đề lý luận về giới và thực trạng vấn đề giới ở Việt Nam.

Hiện nay ở nước ta, Giới bước đầu đã được lồng ghép trong các chương trình, dự án phát triển quốc gia và hiện nay là một chỉ số quan trọng để đánh giá sự phát triển con người của một đất nước – GDI (Gender related development Index) (ngoài chỉ số HDI – Human development Index). Trong báo cáo phát triển nhân lực (1995), chưa có một quốc gia nào trên thế giới đạt được sự bình đẳng toàn diện. Trong thông báo xếp hạng 130 nước theo chỉ tiêu bình đẳng giới, Việt Nam đứng

thứ 74 (với chỉ số 0,537), nước đứng đầu là Thụy Điển (với chỉ số 0, 919), nước đứng cuối là Afganistan (với chỉ số là 0, 169).

Về đào tạo, vấn đề giới bước đầu đã được đưa vào trong các chương trình giảng dạy Đại học (Khoa tâm lý học, khoa xã hội học – Trường ĐHKHXH & NV, khoa xã hội học trường ĐH Công đoàn, khoa Phụ nữ học – ĐH mở Tp HCM). Tuy nhiên, việc đào tạo mang tính lồng ghép và thử nghiệm chưa đủ để đáp ứng những đòi hỏi của thực tế. Trong khi đó, lý thuyết giới đã được đưa vào giảng dạy trong chương trình đào tạo của nhiều trường ĐH trên thế giới như một phân ngành KH về Giới.

Năm 2000, một nghiên cứu tiếp cận giới từ góc độ xã hội học được xuất bản là “Xã hội học về Giới và Phát triển”. Các tác giả coi Giới như một đối tượng nghiên cứu của xã hội học và đã cho chúng ta những phân tích khoa học về tình hình phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Chưa có nghiên cứu ở Việt Nam phân tích vấn đề giới từ góc độ khoa học tâm lý, trong khi thực tế ở một số nước trên thế giới, lý thuyết giới đã được phân tích như một chủ đề quan trọng trong tâm lý học xã hội. Chúng ta có thể tìm thấy nhiều khái niệm tâm lý học, nhất là trong tâm lý học xã hội (như: định kiến xã hội, khuôn mẫu xã hội, ảnh hưởng xã hội...), những lý thuyết tiếp cận (thuyết học tập xã hội, lý thuyết nhận thức, lý thuyết vai trò xã hội,...), những thực nghiệm tâm lý học (về những tác động của những khuôn mẫu giới tính tới nhận thức của chúng ta, về sự hình thành các định kiến...) góp phần bổ sung và làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và khái niệm trong lý thuyết giới. Như vậy, chúng ta có cơ sở để phát triển lý thuyết giới như một vấn đề nghiên cứu của tâm lý học xã hội, sử dụng các khái niệm và lý luận từ tâm lý học xã hội, sử dụng các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học xã hội. Chính vì thế tiếp cận tâm lý học xã hội về giới ở nước ta hiện nay cần được tiến hành song song với hai nhiệm vụ chính: dịch thuật tiếp thu các quan điểm và lý luận cơ bản của tâm lý học xã hội về giới, đồng thời phân tích giới trong bối cảnh thực tế ở Việt Nam (thực trạng bình đẳng và bất bình đẳng giới, điều kiện chính trị - văn hóa – xã hội – kinh tế) trên nền tảng lý luận và phương pháp của tâm lý học xã hội.

Khác biệt giới xuất hiện như một phạm trù xã hội (Social Category), những khác biệt giới phần lớn liên quan tới xã hội hóa và sự học tập xã hội... Cho nên, Giới là đối tượng nghiên cứu của tâm lý học xã hội. Như vậy, nếu xem xét tâm lý học xã

hội hình thành từ khi xuất bản cuốn sách giáo khoa đầu tiên (Dougall, 1908) cho đến nay, so với sự xuất hiện lý thuyết giới (1980) thì việc nhìn nhận vấn đề giới (lý luận và thực tiễn) sử dụng các khái niệm và lý thuyết của tâm lý học xã hội là một hướng tiếp cận gợi ra nhiều triển vọng trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn về giới.

Như vậy, cả về mặt lý luận và thực tiễn, sự tham gia của tâm lý học xã hội trong nghiên cứu giới ở Việt Nam là vấn đề đang được đặt ra. Trước hết, nghiên cứu về giới từ góc độ tâm lý học xã hội sẽ bổ sung khía cạnh khác nhau trong tiếp cận thực tế vấn đề giới ở Việt Nam. Mặt khác, vấn đề giới lại là thực tiễn để chúng ta áp dụng phân tích, xem xét các vấn đề lý luận, các thực nghiệm của tâm lý học xã hội nhằm làm phong phú hơn về mặt lý luận và phương pháp. Ở một mức độ khác, là xem xét khả năng nghiên cứu và đào tạo về giới như là một nội dung của môn tâm lý học xã hội, hay một môn học trong trường ĐH Việt Nam.

Đề tài này tập trung đi nghiên cứu về Lý thuyết giới với sự phân tích từ góc độ tâm lý học xã hội, nhằm tổng hợp, phân tích và lý giải một số khái niệm, quan điểm trong lý thuyết giới qua lăng kính của tâm lý học xã hội, nhằm có được sự hiểu biết và cách nhìn đa dạng hơn về lý luận và thực tiễn vấn đề giới ở Việt Nam.

I. Một số quan điểm tiếp cận lý thuyết giới.

Bản chất của lý thuyết giới là hệ thống lý luận xoay quanh một số câu hỏi cơ bản: Nguồn gốc nào tạo nên những khác biệt giới? Cơ chế nào đang duy trì những khác biệt giới đó? Cũng như làm thế nào để thu hẹp khoảng cách giới, hay xóa bỏ những bất bình đẳng giới đang tồn tại? Phần này sẽ trình bày một số quan điểm cơ bản của các nhà Nữ quyền, các cuộc tranh luận WID – GAD¹ và của các nhà tâm lý học Xã hội trước những câu hỏi này.

1. Tiếp cận lý thuyết giới.

1.1. Tiếp cận lý thuyết giới từ các nhà nữ quyền.

Các nhà nữ quyền đã có những đóng góp không nhỏ cải thiện vị thế người phụ nữ ngày nay. Chính các phong trào giải phóng phụ nữ được phát động bởi các nhà

¹ WID: Women In Development-phụ nữ trong phát triển, và GAD-Gender And Development-giới và phát triển.

nữ quyền là tiền đề quan trọng trong hướng sự chú ý của nhân loại đến một vấn đề đã trở nên quen thuộc: những bất bình đẳng giới giữa nam giới và nữ giới.

Vào thế kỷ 17, 18, nhiều nhà tư tưởng tin rằng phụ nữ là nô lệ của nam giới và điều này là tự nhiên vì giá trị của phụ nữ được coi là thấp kém hơn so với nam giới. Theo họ, chính sự độc đoán của giai cấp phong kiến, cùng với những tệ nạn xã hội mới là nguyên nhân đẩy phụ nữ vào vị trí lệ thuộc và thấp hèn trong gia đình và ngoài xã hội. Các nhà triết học khai sáng cho rằng sự thay đổi địa vị xã hội của người phụ nữ là cần thiết và có thể thực hiện được bởi những cải biến xã hội...

Lý thuyết nữ quyền tự do (Liberal Feminism).

Theo lý thuyết này, sự phụ thuộc của phụ nữ có nguồn gốc trong tập quán và hạn chế của luật pháp. Trước mắt cần tập trung vào thay đổi tư tưởng và thực tiễn văn hóa...

Lý thuyết nữ quyền xã hội chủ nghĩa (Socialist Feminism).

Thuyết này xuất hiện vào những thập kỷ đầu của thế kỷ 19 tại Pháp và Anh. Trong thời kỳ này, các lý luận gia nữ quyền xã hội chủ nghĩa tập trung phân tích về vấn đề bình đẳng, quyền công dân, những vấn đề loại trừ phụ nữ ra khỏi trật tự chính trị, những vấn đề thay đổi xã hội từ khía cạnh đạo đức. Lý thuyết này cho rằng *sự áp bức đối với phụ nữ là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản và nó được củng cố bởi luật pháp bất bình đẳng.*

Lý thuyết nữ quyền Mác xít (Maxist Feminism).

Lý thuyết này cố gắng kết hợp chủ nghĩa Mác và quan điểm nữ quyền về giới tính.

Lý thuyết nữ quyền triệt để (Radical Feminism).

Xuất hiện vào cuối năm 1960, bắt đầu từ Mỹ sau đó lan rộng ra các nước Châu Âu và Nhật Bản, thuyết này cho rằng cơ sở của áp bức là từ cách nhìn không đúng đắn của nam giới về khả năng tái sinh sản và quan hệ tình dục, thuyết này tập trung phân tích lý do sự lệ thuộc của phụ nữ vào đàn ông và bằng phương thức nào sự lệ thuộc đó được củng cố cũng như hậu quả mà nó gây ra.

1.2. Từ tiếp cận phụ nữ trong phát triển (WID) đến tiếp cận Giới và phát triển (GAD).

Có một vài điểm nghi ngờ được đặt ra: liệu phụ nữ có được bình đẳng khi họ được tạo cơ hội tham gia vào các công việc tạo thu nhập mà không được giảm nhẹ các công việc nội trợ? Liệu tiến trình tiến tới sự bình đẳng và phát triển có đạt tới được nếu chỉ có sự tham gia của phụ nữ mà nam giới thì thờ ơ với việc đó? Rõ ràng đây là những câu hỏi đòi hỏi chúng ta phải hiểu biết sâu sắc các lý thuyết về giới và mục tiêu bình đẳng giới. Việc xem xét, phân tích các lý thuyết giới sẽ cho ta những lý giải quan trọng và một mô hình tiếp cận phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Tiếp cận Phụ nữ trong phát triển

Thuật ngữ “phụ nữ trong phát triển” ra đời vào những năm 70 với những nỗ lực kết hợp các hoạt động của phụ nữ trong lĩnh vực phát triển, đòi hỏi sự công bằng xã hội và công lý cho phụ nữ.

Lối tiếp cận WID đã trải qua một số quan điểm, tương ứng với một số giai đoạn:

Phúc lợi tiền WID: Là quan điểm ở giai đoạn 1950-1970.

Giải phóng phụ nữ: Quan điểm này phổ biến vào những năm 1950-1980. Mục tiêu là tăng cường sự tham gia chính trị của phụ nữ và sử dụng lao động nữ để đáp ứng những mục tiêu phát triển quốc gia.

Công bằng WID: Quan điểm tiếp cận của những năm 1975-1985. Mục tiêu là đem lại công bằng cho phụ nữ trong quá trình phát triển. Quan điểm thời kỳ này công nhận tất cả các vai trò của phụ nữ và tìm cách đáp ứng như cầu giới chiến lược thông qua sự can thiệp trực tiếp của nhà nước, tạo điều kiện cho phụ nữ về kinh tế và chính trị, giảm bất bình đẳng với nam giới.

Chống nghèo WID: Mục tiêu là đảm bảo cho phụ nữ nghèo tăng năng suất lao động. Sự nghèo đói của phụ nữ được xem là vấn đề của sự không phát triển, chứ không phải do sự phụ thuộc.

Hiệu quả WID: Quan điểm chiếm ưu thế kể từ sau thập niên 80. Mục tiêu là đảm bảo sự phát triển có hiệu quả thông qua sự đóng góp kinh tế của phụ nữ. Quan

điểm này đáp ứng các nhu cầu giới thực tế đồng thời với việc trông đợi vào cả ba vai trò và khả năng co giãn về thời gian của phụ nữ.